| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠCH THÀNH**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2019
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Đào Anh Đức
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Trương Văn Khắc
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 09/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M; sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn Thành Du, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình D; sinh năm: 1993
Địa chỉ: Thôn Thành Du, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị M; vắng mặt anh D (anh Dương có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2019, trong bản tự khai ngày 04/4/2019 và tại phiên tòa, chị Bùi Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2012 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D là người có thói quen tụ tập bạn bè chơi bời, rượu chè và còn nghiện hút ma túy. Đã nhiều lần anh D đem tài sản của gia đình đi cầm cố để lấy tiền chơi bời và hút chích ma túy, chị khuyên can thì anh D còn chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị. Chị đã nhiều lần về nhà mẹ đẻ để ở, sau đó anh D có sang xin lỗi thì chị lại quay về nhưng chỉ được thời gian ngắn thì anh D vẫn chứng

nào tật ấy. Đến tháng 10 năm 2017, anh D bị công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa bắt và bị Tòa án xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay anh D đã ra tù nhưng vẫn không thay đổi được tính nết. Đến thời điểm hiện tại, chị xác định tình cảm với anh D không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 21/5/2013. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản : Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 01/4/2019, anh Nguyễn Đình D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2012 tại UBND xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vào năm 2017, anh đi chấp hành án tù thì ở nhà chị M không giữ trọn đạo làm vợ và có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn chị M.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 21/5/2013. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản : Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa tuân thủ đúng theo quy định của BLTTDS.

Xét thấy, giữa chị M và anh D mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị M được ly hôn anh D. Về con cái, giao cháu Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 21/5/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Đình D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2012 tại UBND xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D là người không chịu khó làm ăn mà tụ tập bạn bè chơi bời, rượu chè và sử dụng ma túy. Đã nhiều lần anh D đem tài sản của gia đình đi cầm cố để lấy tiền chơi bời và hút chích ma túy và đã từng bị xử phạt 15 tháng tù về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Việc này, bản thân anh D cũng thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã Thành Long xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh D, bản thân anh D cũng đồng ý ly hôn chị M. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình D.

[3]. Về con cái: Chị M và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 21/5/2013. Ly hôn, cả chị M và anh D đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không cần bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Ph đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Trong khi đó anh D là người có lối sống không chuẩn mực, thường xuyên tụ tập bạn bè để chơi bời và sử dụng trái phép chất ma túy. Bản thân anh cũng mới chấp hành xong hình phạt tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nếu để anh D nuôi con sẽ ảnh hưởng xấu đến tâm lý và sự phát triển của con trẻ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Ph cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

[4]. Về tài sản: Chị M và anh D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình D.

2. Về con cái: Giao cháu Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 21/5/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2016/0003593 ngày 28/3/2019, chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị M, vắng mặt anh Nguyễn Đình D. Chị M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Long;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Anh Đức**